

Số: 1510/QĐ-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Quyết định số 4194/QĐ-ĐHĐN ngày 08/12/2021 của Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Đại học Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..*Ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, TCHC *Ph*

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



QUY ĐỊNH

Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1510/QĐ-ĐHSP ngày 29 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, bao gồm: nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng (PVCD) và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác; quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy, các loại hình hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ra giờ NCKH, các hoạt động khác ra giờ PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác.

2. Quy định này áp dụng đối với giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Mục đích quy định chế độ làm việc của giảng viên

1. Làm căn cứ để Hiệu trưởng, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn phân công, bố trí, sử dụng hợp lý, hiệu quả lao động đối với giảng viên; tăng cường hiệu lực và nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động đào tạo.

2. Làm căn cứ để Nhà trường kiểm tra, thẩm định, đánh giá và xây dựng chính sách, chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng giảng viên; tổ chức công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo các tiêu chuẩn đánh giá trong nước và quốc tế.

3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, NCKH, PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ khác.

4. Tạo điều kiện thúc đẩy hiệu quả hoạt động giảng dạy, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) qua việc sử dụng linh hoạt thể mạnh; năng lực giảng dạy hoặc nghiên cứu của mỗi giảng viên.

5. Làm cơ sở để đánh giá, xếp loại chất lượng giảng viên hằng năm đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ; thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên.

Điều 3. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên

1. Trợ giảng (hạng III) - Mã số: V.07.01.23

a) Hỗ trợ giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập,

thảo luận, thí nghiệm, thực hành, thực tập và chấm bài.

b) Tham gia các hoạt động PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác.

c) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

d) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm/đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

b) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo.

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo và tài liệu bồi dưỡng).

d) Tổ chức, tham gia các hoạt động NCKH; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia đánh giá các đề tài NCKH cấp cơ sở, các đề tài sinh viên NCKH; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

đ) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn người học thảo luận, thực hành, thí nghiệm trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

e) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

g) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.

h) Tham gia các hoạt động PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác.

3. Giảng viên chính (hạng II) - Mã số: V.07.01.02

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm/đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

b) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; chủ trì tham gia biên soạn tài liệu bồi dưỡng.

d) Chủ trì, tham gia đánh giá các đề án, đề tài NCKH; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

đ) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn người học thảo luận, thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

e) Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của Khoa, ngành, chuyên ngành.

g) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

h) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.

i) Tham gia các hoạt động PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác.

4. Giảng viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.07.01.01

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm/đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

b) Chủ trì xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, tài liệu bồi dưỡng,... phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài NCKH; định hướng NCKH cho Khoa, nhóm chuyên môn.

d) Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài NCKH; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của khoa và chuyên ngành; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

đ) Tổ chức hướng dẫn người học NCKH; hướng dẫn người học phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của người học để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng.

e) Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của Khoa, ngành, chuyên ngành.

g) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

h) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.

i) Tham gia các hoạt động PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác.

5. Giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư thực hiện nhiệm vụ theo chức danh giảng viên quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này và các nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ của giảng viên theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, chế độ làm việc của giảng viên và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Biên soạn chương trình, giáo trình và sách phục vụ đào tạo khác; giảng dạy, hướng dẫn đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận văn chuyên khoa, chuyên đề, luận án tiến sĩ và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định;

c) Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo;

d) Rèn luyện đạo đức, tác phong khoa học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và định hướng NCKH, công nghệ cho đồng nghiệp trong tổ, nhóm chuyên môn;

đ) Hợp tác với đồng nghiệp về công tác chuyên môn; tham gia các hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và các công tác khác;

e) Tham gia các hoạt động PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Chương II

THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY, NCKH, PVCD VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN KHÁC

Điều 4. Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và định mức giờ chuẩn giảng dạy

1. Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

2. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy.

4. Thời gian dùng để tính định mức giờ chuẩn giảng dạy là số lượng giờ chuẩn giảng dạy đã được quy đổi theo khoản 1 và khoản 2 Điều 9 của Quy định này. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên Trường ĐHSP trong một năm học quy định 270 giờ chuẩn giảng dạy (tương đương 810 giờ hành chính); trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) đã được quy đổi (theo khoản 1 và khoản 2 Điều 9 của Quy định này) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy.

Điều 5. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, Đảng, đoàn thể

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, Đảng, đoàn thể có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức quy định tại Phụ lục I của Quy định này (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định tại khoản 4 Điều 4 của Quy định này).

2. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Quy định về NCKH

1. Định mức giờ (tính theo đơn vị giờ hành chính) thực hiện nhiệm vụ NCKH của các chức danh giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, phó giáo sư và giáo sư được xác định như sau:

STT	Chức danh	Số giờ định mức
1	Giảng viên	600
2	Giảng viên chính	660
3	Giảng viên cao cấp, phó giáo sư	720
4	Giáo sư	840

2. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Việc quy đổi nội dung/sản phẩm NCKH ra số giờ hành chính tương ứng thực hiện nhiệm vụ NCKH được xác định theo Quy định hiện hành.

3. Đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, Đảng, đoàn thể, định mức giờ thực hiện nhiệm vụ NCKH được xác định theo Quy định hiện hành.

4. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH theo quy định nhưng lại vượt định mức các nhiệm vụ giảng dạy, PVCD và nhiệm vụ khác thì được chuyển đổi theo khoản 2, Điều 11 Quy định này.

Điều 7. Quy định về PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác

1. Giảng viên phải dành thời gian làm việc trong năm học để PVCD và thực hiện các

nhiệm vụ chuyên môn khác quy định tại Phụ lục IV Quy định này. Định mức giờ (tính theo đơn vị giờ hành chính) PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác trong mỗi năm học đối với mỗi chức danh giảng viên như sau:

STT	Chức danh	Số giờ định mức
1	Giảng viên	350
2	Giảng viên chính	290
3	Giảng viên cao cấp, phó giáo sư	230
4	Giáo sư	110

2. Giảng viên không thực hiện đủ giờ PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác nhưng lại vượt định mức các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH thì được chuyển đổi theo khoản 2, Điều 11 Quy định này.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc phân công, sắp xếp, bố trí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

Điều 8. Miễn, giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy, giờ NCKH, giờ PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác

1. Giảng viên tập sự định mức giảng dạy và NCKH đều bằng không để dành thời gian tham gia dự giờ, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế. Định mức nhiệm vụ PVCD và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn khác bằng giảng viên bình thường.

2. Năm đầu tiên sau tập sự hoặc năm đầu tiên đối với giảng viên từ các trường khác chuyển về không phải qua thời gian tập sự định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH, nhiệm vụ khác bằng 50%.

3. Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy, định mức giờ NCKH và định mức giờ PVCD và nhiệm vụ chuyên môn khác theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

4. Giảng viên được cử đào tạo tiến sĩ thì định mức các nhiệm vụ bằng không.

5. Giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng tập trung thì tổng tỷ lệ miễn giảm giờ chuẩn bằng tổng tỷ lệ của thời gian tập trung chia cho thời gian giảng dạy theo quy định của giảng viên trong 01 năm học.

6. Giảng viên dạy thực hành thực hiện định mức các nhiệm vụ theo ngạch giảng viên. Trường hợp đặc thù xin ý kiến Hiệu trưởng Nhà trường xem xét để phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị.

Chương III

QUY ĐỔI GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY; GIỜ NCKH; GIỜ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN KHÁC; CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VƯỢT ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

Điều 9. Quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy

1. Quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy đại học thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Quy định này.

2. Quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy sau đại học thực hiện theo quy định tại Phụ lục III của Quy định này.

3. Đối với các nhiệm vụ đã có kinh phí hỗ trợ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không thực hiện quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra giờ chuẩn giảng dạy; tuy nhiên, các nhiệm vụ này được xem xét tính vào tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức lao động.

Điều 10. Quy đổi các hoạt động PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác ra giờ hành chính

1. Quy đổi các hoạt động PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác ra số giờ hành chính tương ứng được xác định theo quy định tại Phụ lục IV của Quy định này.

2. Đối với các hoạt động quy đổi ra số giờ PVCD chưa được quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc đề xuất để Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung hằng năm.

Điều 11. Chế độ làm việc vượt định mức lao động

1. Cách tính giờ làm việc vượt định mức lao động

a) Giờ chuẩn giảng dạy vượt định mức lao động bằng số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi thực tế thực hiện của giảng viên trừ đi số giờ chuẩn giảng dạy theo định mức của giảng viên.

b) Giờ NCKH vượt định mức lao động bằng số giờ NCKH thực tế thực hiện của giảng viên trừ đi số giờ NCKH theo định mức của giảng viên.

c) Giờ PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức lao động bằng số giờ PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác thực tế thực hiện của giảng viên trừ đi số giờ PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác theo định mức của giảng viên.

2. Giảng viên có số giờ hành chính của một loại hình nhiệm vụ (giảng dạy hoặc NCKH hoặc PVCD/nhiệm vụ chuyên môn khác) vượt định mức theo quy định nhưng chưa hoàn thành số giờ định mức các loại hình nhiệm vụ khác thì được chuyển đổi giờ vượt định mức ở nhiệm vụ này bù cho giờ thiếu định mức ở nhiệm vụ khác.

Tỉ lệ quy đổi: 01 giờ chuẩn giảng dạy = 03 giờ NCKH = 03 giờ PVCD (Giờ NCKH, giờ PVCD là giờ hành chính, 01 giờ chuẩn giảng dạy = 03 giờ hành chính).

a) Mức xếp loại cao nhất “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” sau khi được chuyển đổi giờ

giữa các loại hình nhiệm vụ đảm bảo đầy đủ với các điều kiện kèm theo sau:

- Giảng viên phải đảm bảo đạt giờ định mức tối thiểu cho mỗi loại hình nhiệm vụ là 50%;
- Tổng phần trăm sau khi đã chuyển đổi lớn hơn hoặc bằng 100% ($\text{Tổng \%} = \%GD \times 0.5 + \%NCKH \times 0.3 + \%NVK \times 0.2$);
- Có đơn xin chuyển được tập thể lãnh đạo đơn vị thông qua. Cam kết không nhận tiền giờ dạy đã bù sang giờ NCKH, PVCD trong trường hợp vượt giờ dạy, thiếu giờ NCKH, PVCD.

b) Mức xếp loại cao nhất “Hoàn thành nhiệm vụ” sau khi được chuyển đổi giờ giữa các loại hình nhiệm vụ đảm bảo tổng phần trăm sau khi đã chuyển đổi lớn hơn hoặc bằng 50%.

Các trường hợp đặc thù do Hiệu trưởng Nhà trường xem xét quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc căn cứ Quy định này và tình hình thực tế tại đơn vị để triển khai thực hiện chế độ làm việc của giảng viên tại đơn vị.
2. Nhà trường sử dụng nguồn kinh phí chi trả tiền giờ giảng vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy từ các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao tự chủ.
3. Giờ vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy được thanh toán vào thời điểm kết thúc năm học, khi đã xác định được khối lượng công việc của giảng viên. Nhà trường có thể căn cứ kế hoạch khối lượng công việc mỗi học kỳ và cả năm của giảng viên để cho tạm ứng trước khoảng 2 đến 3 đợt trong học kỳ và hoàn thành thanh quyết toán vào cuối năm học.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quy định này được áp dụng bắt đầu từ năm học 2023-2024. Các quy định trước đây đều bãi bỏ.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các đơn vị báo cáo Hiệu trưởng để xem xét điều chỉnh, bổ sung. /.